

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HSST

Ngày 29 - 11 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vệ và ông Nguyễn Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2017/TLST - HS ngày 03 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/HSST-QĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1985 tại Hà Nội; trú tại: Số nhà xxx, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Kim H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 9 năm 2017 đến nay, (Có mặt).

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Doãn H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ xx, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số nhà xxx, phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Tiến T bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2007, Nguyễn Tiến T đi Công an nghĩa vụ, đến năm 2011 về công tác tại PK xx Công an thành phố Hà Nội. Trong thời gian công tác, ngày 07 tháng 11 năm 2011, T được giám đốc Công an thành phố Hà Nội cấp 01 giấy chứng minh công an nhân dân số hiệu xxx-xxx, cấp bậc: Thượng sỹ, chức vụ: Hạ sỹ quan nghiệp vụ, đơn vị: PK xx Công an thành phố Hà Nội.

Đến đầu năm 2013, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, qua tìm hiểu T biết quán cầm đồ Hưng Phát của anh Nguyễn Doãn H ở Tổ xx, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc có cho cầm cố giấy chứng minh nhân dân để vay tiền, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh H nên có ý định làm giả giấy chứng minh thư công an nhân dân của mình đem đến cầm cố cho anh H, giả vờ vay tiền rồi chiếm đoạt luôn số tiền đó. Để thực hiện mục đích của mình, đầu tháng 01 năm 2013, T cầm theo 01 chứng minh công an nhân dân của T đã được cấp và 01 ảnh thẻ 3x4 của mình có mặc trang phục cảnh sát nhân dân đến quán photocopy của một nam giới khoảng 40 tuổi, không rõ danh tính có địa chỉ tại phố V, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội để làm giấy chứng minh công an nhân dân giả và được chủ quán phớt lờ đồng ý làm giả giấy chứng minh công an nhân của T với giá 100.000đồng.

Ngày 11 tháng 01 năm 2013, T cầm theo giấy chứng minh công an nhân dân giả rồi một mình đến quán cầm đồ của anh H tại Tổ xx, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc để lừa cầm cố giấy chứng minh giả vay tiền nhằm chiếm đoạt số tiền đó. Khi gặp anh H, T giới thiệu đang làm công an thành phố Hà Nội công tác tại PKxx và hỏi vay 30.000.000đồng trong thời hạn 01 tháng, để lại chứng minh công an nhân dân. Anh H kiểm tra và nghĩ đó là giấy chứng minh công an nhân dân thật nên đồng ý cho vay và yêu cầu T viết giấy vay tiền nhận nợ. Để anh H không nghi ngờ và thực hiện được mục đích chiếm đoạt tiền của mình, T viết giấy vay tiền nhận nợ số tiền 30.000.000đồng với anh H, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2013 đến ngày 11 tháng 02 năm 2013. Viết xong T nhận tiền rồi ra về và chiếm đoạt luôn số tiền đó không trả lại anh H.

Do không thấy T trả tiền, anh H đã nhiều lần liên lạc qua số điện thoại T cung cấp khi vay tiền nhưng đều không liên lạc được. Ngày 17 tháng 3 năm 2017 anh H đã làm đơn tố cáo T về việc đã bị T chiếm đoạt số tiền nêu trên.

Sau khi nhận được đơn tố cáo của anh H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên đã triệu tập T đến làm việc, do sợ bị xử lý nên tháng 6 năm 2017 T đã đến gặp anh H và trả số tiền: 2.000.000đồng tiền lãi nhằm khắc phục hậu quả.

Vật chứng của vụ án thu giữ: 01 giấy chứng minh công an nhân dân giả số xxx-xxx mang tên Nguyễn Tiến T, sinh ngày 9/8/1985, cấp bậc Hạ sỹ quan, chức vụ hạ sỹ quan nghiệp vụ, đơn vị PKxx Công an thành phố Hà Nội được

cấp ngày 7/11/2011 do giám đốc Công an thành phố Hà Nội - Trung tướng Nguyễn Đức N ký; 01 giấy vay tiền nhận nợ ngày 11 tháng 01 năm 2013 giữa bên cho vay là ông Nguyễn Doãn H, bên vay ông Nguyễn Tiến T do anh Nguyễn Doãn H giao nộp.

Đối với 01 giấy chứng minh công an nhân dân thật mà T đã được cấp, ngày 31 tháng 7 năm 2015 đã bị Công an thành phố Hà Nội thu hồi sau khi T xuất ngũ.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên có quyết định trưng cầu giám định số 123 đối với “chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Tiến T trong giấy vay tiền nhận nợ do anh Nguyễn Doãn H cung cấp có phải là do Nguyễn Tiến T ký và viết ra hay không”. Tại bản kết luận số 751/KLGD ngày 22 tháng 7 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên “ Nguyễn Tiến T” trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên quyết định trưng cầu giám định số 146 đối với chứng minh công an nhân dân đã thu giữ “ giấy chứng minh công an nhân dân số xxx-xxx, Họ và tên: Nguyễn Tiến T, ngày sinh 9/8/1985, cấp bậc: Thượng sỹ, chức vụ: Hạ sỹ quan nghiệp vụ, đơn vị: PKxx - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2011 là thật hay giả”. Tại bản kết luận số 944/KLGD ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “giấy chứng minh công an nhân dân số xxx-xxx, họ và tên: Nguyễn Tiến T, ngày sinh 9/8/1985, cấp bậc: Thượng sỹ, chức vụ: Hạ sỹ quan nghiệp vụ, đơn vị: PKXX - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2011 là giấy chứng minh công an nhân dân giả”.

Tại Cáo trạng số: 79/KSĐT - KT ngày 01 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Tiến T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tiến T như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T từ 08 đến 11 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên. Bị cáo khai nhận, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 11 tháng 01 năm 2013 bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để được anh Nguyễn Doãn H ở Tổ xx, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đưa cho số tiền 30.000.000đồng. Sau khi nhận tiền từ anh H bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên của anh H.

Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; phù hợp với vật chứng, với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của Nguyễn Tiến T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, song hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo không có tài sản gì, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Đối với chủ quán phôtô T khai nhận đã làm giả giấy chứng minh công an nhân dân. Quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của chủ quán phôtô nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức của T. Quá trình điều tra làm rõ việc làm giả của T là thủ đoạn để thực hiện mục đích chiếm đoạt số tiền của anh H. Do vậy T không bị xử lý về tội Làm giả tài liệu của của cơ quan tổ chức mà bị xử lý về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng minh công an nhân dân do T làm giả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra T đã nhờ gia đình khắc phục cho T đối với số tiền chiếm đoạt của anh H nên ngày 07 tháng 9 năm 2017 ông Nguyễn Văn T1 là bố đẻ T đã thay T trả cho anh Nguyễn Doãn H 30.000.000đồng. Sau khi nhận tiền anh H không có yêu cầu đề nghị gì khác; ông T1 cũng không đề nghị T phải trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000đồng T đưa cho anh H vào tháng 6 năm 2017, T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tiến T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06 tháng 9 năm 2017.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 Giấy chứng minh công an nhân dân (giả) có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Cơ quan thi hành án lập ngày 08 tháng 11 năm 2017.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Công an thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà